

Anh bám vào tường, tìm giây leo, vội vàng tuột xuống dưới chân đèn.

Sáng hôm sau người ta tìm thấy xác anh đã cứng lạnh dưới chân đèn, nét mặt vẫn còn co túm lại trong một vẻ hãi hùng tột độ.

Vị đạo sĩ trầm ngâm đứng nhìn xác anh, rồi quay bảo học trò:

- Đây là một kẻ không muốn tìm sự thực bằng chính đạo. Y đã đi theo con đường tà đạo, vì y cho rằng con đường ấy mau chóng hơn và chỉ có tài năng của y mới giúp y tới mau được. Y quên rằng cái tâm của người là chính yếu trong sự tìm kiếm chân lý. Khi cái tâm đã chính thì tài năng sẽ là những chiến công, những thành tích rõ ràng. Khi cái tâm đã tà thì tài năng chỉ là những thủ đoạn, những mưu mô hèn hạ. Kết quả mà y tìm thấy là một sự thực gớm ghiếc, đã làm y khủng khiếp phải hủy diệt đời mình.

Các con hãy ghi nhớ: sự thực tốt đẹp, sự thực an ủi và nâng cao được lòng người chỉ có thể đi đến con đường ba bậc: Con đường khổ hạnh, con đường vô tư, và con đường nhân ái. Kẻ nào không đi bằng ngã ấy mà muốn dùng mưu mô thủ đoạn, đàn áp lừa phỉnh thì không phải chỉ một cá nhân mà cho đến một chế độ cũng phải bị hủy diệt thảm khốc.

Đạo sĩ ngừng lại một lát rồi nói tiếp:

- Từ lâu ta đã nhắc các con điều đó, bây giờ đây là chứng cứ hiển nhiên. Các con hãy đem chôn xác y trước cửa đền và đồng thời khắc trên mộ bia y nét mặt kinh hoàng, khủng khiếp của một kẻ đã tìm gặp sự thực rằng con đường tà đạo thành đạo, để làm gương cho bao nhiêu kẻ khác.

2. SAU BỮA ĐẠI YẾN

Xưa kia có năm vị Quốc Vương. Việc bang giao qua lại rất là thân mật chẳng hề gây hấn với nhau. Dân chúng nơi nơi làm ăn thịnh vượng.

Vị Quốc Vương đàn anh tên là Phổ An.

Việc trị nước của Vua Phổ An rất là minh chánh mà bốn vị kia lại theo tà đạo.

Có một hôm, năm vị mở một yến hội bảy ngày ca hát đàn nhạc, đủ thứ vui thú dục lạc. Khi mãn hội các vua sắp sửa lên long xa ai về nước nấy.

Bấy giờ vua Phổ An đích thân tiễn chân bốn vị kia ra trước hoàng môn và hỏi rằng:

- Các bạn ưa thích những lạc thú gì, nói cho ta nghe thử?

Các vua tuần tự trình bày:

Vua thứ nhất đáp:

6/ “Những khổ về mong cầu chẳng được”: của mất cầu được lại, cầu quan, cầu giàu, khi khổ cực cầu đủ cách, nhưng cầu mãi nào dễ được đâu?

7/ “Những khổ về gặp kẻ oán ghét”: con người trong cảnh ái dục một việc nhỏ cũng vẫn tranh giành rồi do đó mà giết hại lẫn nhau gây thành oán lớn, tuy cố tình lánh mặt nhưng không nơi tránh thoát, chỉ còn nước mạnh ai nấy mài dao chuốt tên hại lẫn nhau, rốt cuộc đôi bên đều bị tổn hại.

8/ “ Những khổ về lo rầu khổ não”: người đời có sống lâu lắm cũng chừng trăm năm, trong đó hết năm mươi năm thuộc về ban đêm, năm năm say rượu hoặc bệnh tật là những năm bất tri nhân sự, mười lăm năm thơ ấu chẳng biết việc gì. Và qua tám mươi tuổi thời già nua hết trí tuệ, tai điếc mắt mù. Và giảm kiếp hai mươi năm nữa, cho nên chỉ còn mười năm mà thôi.

Trong khoảng mười năm ấy, chỉ có lo rầu chiếm hết phần nhiều, lo rầu thời cuộc biến loạn, thiên thời nắng hạn, bão lụt mùa màng hư mất, bà con nội ngoại đau ốm, nghèo khổ. Lại còn lo sợ của cải mất mát, người nhà bị quan quân bắt bớ, vào tù ra tội, anh em bà con đi xa...

Như vậy người sống ở trên trần gian này, hầu hết thì giờ bỏ vào việc lo buồn mà phải bị hao tổn tâm thần rồi già chết.

Năm vị vua nghe xong đều thấm thía lời dạy của Đức Phật và tự nhiên thấy mình đầy rẫy tội lỗi (nhất là bốn vị vua theo tà đạo) đã được chân lý soi sáng và giác ngộ từ đây. Bá tánh từ đó mà an cư lạc nghiệp, biên cương yên ổn, quốc gia mỗi ngày thêm mạnh, hưng cường hơn trước.

3. DƯỚI BÓNG TỪ BI

Ngôi sao mai vừa lên chót vọt cao xa, thì đạo quân tiêu trừ của Đô Đốc họ Đào cũng vừa đến đầu cánh đồng Phượng Vĩ đang chìm đắm trong giấc ngủ mê say, lệnh bao vây đã truyền đi tức khắc.

Người ngựa căm lạng tràn đi dưới một bầu trời sao trong sáng... Đó là đạo binh của triều đình khét tiếng bạo tàn trên khắp núi rừng, thôn xóm của suốt bảy tỉnh miền Nam Trung, bạo tàn với tất cả những kẻ đã chống lại triều đình, chống lại nhà nước Bảo Hộ, tất cả dù là trong hàng vương tôn quý tộc, hay ngoài tiện dân lê thứ là võ sinh, nho sĩ hay nông phu.

Bao nhiêu tiếng cười ngạo mạn đã tắt đi theo đầu rơi long lóc! Bao nhiêu cái thân trẻ ngang tàng ngã gục xuống dưới vó ngựa thanh trừng!

Bao nhiêu mái tranh nghèo vô tội đã bốc lửa giữa đêm khuya.

Không ai đếm được bao nhiêu cảnh chết chóc đó trong bao nhiêu năm nay!

Tiếng Khỏ Hạnh Hòa Thượng vẫn đều đều, trầm trầm thanh thản như những khi người thuyết pháp...nhưng lại không giống như người thuyết pháp...

Hòa Thượng đã kể rằng:

- “Vào một sớm cách đây bảy năm, cùng cái tin Đức Vua Duy Tân rời Hoàng Thành đi biệt tích, là tin lãnh binh Đào Kim Văn bị giết ngay cửa thành nội...

Cái tin kia đã làm xúc động toàn cả Huế Đô bao nhiêu thì cái tin này, đã khiến phần đông người kể cả dân chúng lẫn quân binh hải lòng bấy nhiêu.

Bởi vì người ta biết mục đích sự ra đi của Đức Vua Duy Tân! Và bởi vì, Văn không được lòng dân lúc sống. Tuy nhiên, người ta đã phân vân không rõ vì sao Văn bị giết? Và ai là người giết Văn?

Nhưng rồi sau đó người ta biết: Kẻ giết Văn chính là Nguyễn Quốc, một bằng hữu thân thiết đồng cấp với Văn trong một đạo quân phòng thành! Biết chính là Quốc, bởi vì gần nơi Văn chết không xa, người ta tìm thấy thanh gươm Ngân Tuyền của Quốc rơi lại. Người ta chỉ biết có thế, chứ cái lẽ vì sao Quốc giết bạn, thì chưa mấy ai được rõ.

Cái lẽ đó như thế này...

Bình sinh chí hướng của đôi bạn một người một khác, Văn thân Pháp, Quốc chống Pháp. Nhập vào đội quân thành Quốc chỉ vì đại cuộc. Đến đó, cũng một mệnh lệnh của chí sĩ họ Trần, Quốc sẵn sàng trông giữ cửa thành để hộ giá Đức Vua Duy Tân lìa Hoàng cung...

Đó là giờ phút quan trọng của lịch sử...

Cả một khối dân tộc đang chờ giờ phút ấy... Thế mà buồn biết chừng nào! Văn đã không muốn biết đến, mà còn dụng tâm phá hoại.

Quốc gặp người nghinh giá bên cửa thành ngay lúc vô tình hay cố ý, Văn bỗng đột ngột đến, để rồi chỉ một thoáng nhìn, Văn hiểu ngay được âm mưu của Vua tôi - Quốc.

Và tất nhiên, Quốc được lệnh phải bảo vệ cho kỳ được cái kín nhem của mưu đồ.

Linh hồn của một phong trào chống Pháp, nhất định phải được an toàn, và nếu cần, Quốc không ngại chịu xương rơi thịt nát.

Cuối cùng, chỉ còn Quốc, một người một gươm đối diện với Văn... Hai người như một nhưng chí hướng khác nhau.

Quốc biết việc làm của mình rất khó:

“Nhiệm vụ và nghĩa tình”

11. – CHÀNG SỨ GIẢ GẶP VẬN HÊN

Ngày xưa có một phụ nữ hoang dã vô độ. Dục tình nàng càng mạnh, nàng chê ghét chồng càng nhiều nên nàng thường nghĩ những phương sách hại chồng để tự do thỏa mãn tình dục. Nhưng đã nhiều lần, nàng chưa tìm ra phương cách làm thỏa mãn con người vô đạo ấy của nàng được. May đâu gặp lúc chồng có lệnh đi sứ nước láng giềng nàng quyết phen này tìm cách trừ được chồng. Nàng ngấm ngấm làm những viên thuốc độc rồi ra về âu yếm nói với chồng:

- “Thưa anh, nay anh đi xa, vợ chồng cách trở quan san không có em một bên, em sợ anh đi có lúc bị đói thiếu, em làm được năm trăm viên thuốc “hoan hỷ” gọi là chút quà tặng để tiễn anh lên đường. Khi nào đến biên cảnh nước ngoài anh hãy dùng.

Anh chồng tin lời vợ vui vẻ ra đi. Vừa đến biên giới anh chưa kịp đem ra ăn thì trời tối. Trong đêm thanh vắng, nằm nghỉ trong rừng, sợ thú dữ, nhà sứ giả mới trèo lên cây ẩn núp, trong lúc vội vã anh quên gói thuốc “hoan hỷ” dưới gốc cây. Ngay đêm ấy có năm trăm tên cướp vừa cướp được năm trăm con ngựa cùng rất nhiều của cải của Quốc vương nước kia về ngang qua cùng nghỉ lại dưới gốc cây. Suốt ngày đêm, xông pha mệt nhọc về đến đây đều đói, cả bọn vừa thấy gói thuốc “hoan hỷ” dưới gốc cây liền lấy chia nhau mỗi người ăn một viên, ăn xong trong chót lát năm trăm người đều ngã lăn ra chết, vì thuốc độc quá mạnh.

Anh chàng sứ giả phát gan không hay việc gì hết. Qua sáng hôm sau, anh ở trên cây xuống thì thấy bọn cướp chết lịm dưới gốc cây, mới giả vờ đem tên bắn, đem dao chém vào những thân chết, rồi thu lấy ngựa, của báu, đi vội vào nước kia.

Nửa đường, anh gặp Quốc Vương cùng cả đoàn binh sĩ đang rần rộ kéo về hướng anh để truy nã những quân cướp đó.

Quốc vương nước kia hỏi:

- Ông là người nước nào, ở đâu lại bắt được những ngựa này?
- Tôi là người nước láng giềng, giữa đường gặp bọn cướp, biết là chúng vừa cướp của nhà vua, tôi với bọn này đánh chém nhau, cuối cùng tôi giết chết được cả năm trăm đứa ở dưới gốc cây. Do đó, tôi bắt được những con ngựa này cùng trân bảo, định đem đến nộp lại cho Quốc Vương. Nếu ngài không tin, xin ngài sai người thân tín đến tận chỗ xem có đúng không?

Quốc vương liền sai người đến xem, và thấy quả thực vậy. Quốc vương rất vui và ban khen chàng sứ giả đoạn rước luôn về kinh. Về đến kinh đô, quốc vương phong thưởng tước vị cao, tặng nhiều châu báu cho anh.

Các quan đại thần thấy anh ta là người tầm thường mà được ân huệ quá nhiều sinh lòng ghen tức bèn tâu:

Ông Tu Bạt nói:

- Bậc thầy của cô dâu mới này oai đức cao cả lắm, ông đừng buồn làm chi, để tôi thuật ông nghe chuyện này. Một lần nọ tôi đi đến ao A Nậu, Thần giữ ao không cho tôi vào. Một lát sau tôi thấy có ông niên thiếu Tỳ Khuru đến thì Thần ao ra nghinh đón và mời ngồi lên một tòa băng vàng mà lễ bái rất cung kính.

Đó là đệ tử của Phật mà còn như thế, huống chi bậc thầy... Ông Mãn Tài nghe rất vui mừng và đòi cô dâu lên hỏi:

- Nay cha muốn mời thầy của con về nhà cung phụng mà cha không hiểu phép thỉnh mời như thế nào.

Cha nhờ con thỉnh hộ.

Nàng dâu rất vui mừng vâng lời ngay. Nàng tắm rửa sạch sẽ rồi lên lầu cao đốt hương về hướng Phật làm lễ mà thỉnh cầu:

- Cúi xin Đức Thế Tôn chứng giám: Con nay như người bị nạn, cúi xin Ngài đến cứu khổ.

Đức Phật thông cảm hoàn cảnh đệ tử, lên đờn ngay. Ngài dạy A Nhã Câu Lân đi hầu tả, Xá Lợi Phất đi hầu hữu, A Nan mang bình bát đi hầu sau, và một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khuru đi chung quanh ngồi và tụng đến nhà ông trưởng giả Mãn Tài.

Đến cửa trong gia, và cô dâu ra lễ Đức Phật cùng chư tăng.

Sáu ngàn Phạm Chí thấy Phật vào nước mình, bảo với nhau rằng:

- “Nay sa môn Phật như là ánh sáng chói lợi đã vào nước mình thì chúng mình không thể ở đây được nữa, nên bỏ xứ mà đi cho rồi, vì Phật hiện thân thông rất mau nhiệm, chúng ta không thể bì kịp...” Thế rồi họ bỏ nước đi hết.

Đức Phật thuyết pháp cho gia đình ông Mãn Tài và cả một số đông đảo nghe nhiều người được tỉnh ngộ và đa số đều quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới.

14.- NỖI KHỔ TRONG ĐỜI

Nhân một dịp nọ, Đức Phật kể chuyện với các Tỳ Khuru rằng:

- Ngày xưa có một vị Ngũ thông tỳ khuru tên là Tinh Tấn Lực, ngồi dưới gốc cây trong núi rừng yên lặng mà tu đạo, cũng trong thời gian này tại nơi đây có bốn con cầm thú,

- “Tất cả nghề lương thiện làm cho ta được kết quả tốt mà áp dụng cho phải thời, phải chỗ, dù nghề mọn đến đâu cũng đem sự an vui no đủ đến cho chúng ta. Ngược lại áp dụng sai thời, nó sẽ đem đến muôn điều cực khổ.”

16.- SỬ DỤNG TÀI NGHỆ KHÔNG ĐÚNG CHỖ

Có kẻ kia sau khi học rành nghề, hấn ta muốn thử tài mình, mới suy nghĩ nếu mình búng sạn mà nhắm búng thử vào bò, heo, dê, ngỗng, cùng gà vịt của người thì sợ bị họ đền và mình bị phạt.

Một hôm gặp Đức Phật Độc Giác, hấn ta bèn nghĩ:

- Nếu ta thử tài với người khác, sẽ bị cha mẹ, vợ con, anh em họ kiện thưa. Còn người này cô độc, là kẻ vô thừa nhận, dù ta thử mà người này có chết cũng không sao.

Nghĩ thế, hấn mới búng một viên sạn vào lỗ tai Đức Phật Độc Giác. Viên sạn đi xuyên từ lỗ tai bên này qua lỗ tai bên kia: theo như người nòng phải chết tại chỗ, nhưng Đức Độc Giác dùng thiền định về đến tư thất mới nhập diệt. Bữa nọ, hấn tìm đến tư thất của ngài, thấy tín đồ bận lo hỏa táng vì than khóc hấn mới khoe:

- Mấy người biết không? Ngài mà chết đây là do tài búng sạn của tôi.

Tưởng khoe như vậy thì được người ta khen mình, nào ngờ tín đồ tức mình lôi hấn ra đánh chết. Vì tội giết chết Đức Phật nên hấn bị sa vào ác đạo cuối cùng của Địa ngục.

Đây là một cái gương sáng để chúng ta nhận thấy rằng: Nghề hay mà áp dụng sai chỗ sai trường hợp có hại rất lớn. Vậy chúng ta hãy nên chọn nghề nào chánh nghiệp, chánh mạng mà làm thì mới được an lành, bền lâu.

17. - LẤY ĐẠO ĐỨC ĐẸP QUÂN HUNG NÔ MỘT KIẾP ĐI ĐÀY

TRONG LU RƯỢU

Ngày xưa có chàng trai nọ con ông Trưởng giả vừa cưới được vợ. Vợ chồng mới cưới rất yêu kính nhau. Một bữa chồng bảo vợ:

- Em vào trong nhà bếp lấy rượu ra đây cùng uống cho vui.

Người vợ vào nhà vừa giở nắp lu đầy rượu nàng chợt thấy bóng mình hiện ở trong lu liền cho là có người đàn bà khác đã ẩn tự bao giờ, nổi tam bành lục tặc, chạy ra lớn tiếng với chồng:

- Anh đã chứa dấu người đàn bà trong lu rượu còn cưới tôi về làm chi nữa? Vào mà ân ái với hã, tôi về đây!...

Chồng tức quá vào xem, lại thấy bóng mình, nổi giận chạy ra nạt vợ:

- Mày giầu trai trong đó mà đổ thừa cho tao giầu gái? Dám làm việc như thế trước mặt tao à?

Thế là hai vợ chồng cãi vả nhau rồi đến chuyện ấu đã kịch liệt, sung đầu bể trán la khóc om sòm, đảng nào cũng cho mình là phải. Lúc ấy có vị lý Khuru đi ngang qua nghe được nguyên do việc đánh lộn, đến xem thử mới biết là đánh nhau vì cái bóng trong lu, lòng bùi ngùi tự than rằng:

- “Người đời quá dại khờ cho cái giả là thật”

Ngài thương hại cho hai vợ chồng trẻ, rồi vào nhà can gián, dùng đủ lời hay lẽ phải. Hai vợ chồng vẫn không nghe. Ông liền nói:

- Ta sẽ vì các người mà bắt người trong lu ra cho. Ngài lấy một cục đá to đập vỡ lu rượu chảy linh láng, bóng người trong lu cũng biến mất. Cả chồng lẫn vợ nhìn vào mảnh lu bể không còn thấy bóng người nào nữa. Họ hiểu được sự lầm lạc của mình và xin lỗi nhau.

19. – HAI CHÀNG THANH NIÊN

TRONG NGÔI NHÀ CÓ QUỶ

Có một ngôi nhà hoang nọ, tương truyền nhà ấy thường có con ác quỷ, mọi người đều tránh, chẳng ai dám đến ở. Lúc ấy có một thanh niên tự xưng là mình to gan, dạn dĩ và bảo với mọi người rằng:

- Thừa bà xin bà xá tội cho chúng tôi.

Bà lấy làm lạ, nhất là khi biết tên này là tướng cướp vừa phá phách nhà mình nhưng vẫn than nhiên hỏi:

- Chuyện gì thế?
- Thừa bà, tôi là đứa oán ghét bà định đến vùng này giết bà xong cướp cả gia sản bà hôm nay..

Bà tin nữ đáp giọng hiền lành.

- Nếu vậy ta miễn lỗi cho con.

Bọn cướp thấy chủ tướng mình làm như vậy đều bắt chước làm theo. Bà cũng nói như trước, lời nói thêm nhẹ nhàng an ủi.

Bọn chúng mới nói:

- Thừa bà! Nếu bà tha lỗi cho chúng tôi thì xin bà hãy nói với con bà để chúng tôi xuất gia.

Bà tin nữ nhận lời và nói với Đại đức Sonat rằng:

- Con ơi, những tướng cướp này trong sạch với con, muốn xuất gia theo con, vậy con hãy vui lòng tể độ.

Đại đức đáp:

- Lành thay!

Liền đó ngài cho xuất gia và đưa cả chín trăm người ấy lên núi tham thiền.

Đức Thế Tôn ở cách đó 120 do tuần. Ngài hiểu rõ câu chuyện giác ngộ đặc biệt này liền dùng thần thông cho chín trăm vị tỳ khưu mới thấy Ngài và thuyết chín lần kệ. Mỗi lần Đức Thế Tôn thuyết một câu kệ thì có một trăm vị tỳ khưu đắc A La Hán quả bay về Đức Thế Tôn và từ đây họ đã đến được con đường hạnh phúc vĩnh cửu.

21.- TÌNH YÊU VÀ NGHIỆP CHƯỚNG

Thuở xưa có một ông trưởng giả nọ sang giàu hơn thiên hạ. Gia đình sinh sống trong cảnh vô cùng sung túc. Bằng mọi thứ sung sướng mà tiền của đã đưa đến cho ông. Còn có cái thú khác nữa mà ai cũng thèm muốn đó là ông có bốn bà vợ xinh đẹp trẻ trung không ai chịu nhường ai.

trạng thái xã hội trái ngược như thế đã làm nhiều người chú ý. Xã hội Ấn Độ thời bấy giờ có bốn giai cấp phân biệt nhau rõ rệt. Sát Đế Lợi là giai cấp của vua chúa và Bà La Môn là giai cấp giáo sĩ của đạo Bà La Môn xưa nay nắm ưu thế và mọi quyền lợi trong nước. Hai giới hạ tiện Tỳ Xá và Chiên Đà La là những hạng người suốt đời cam làm thân phận tôi mọi phục dịch cho hai giai cấp trên...

Cảnh sinh sống của hai hạng người này rất đáng thương tâm... trong những đường xá chật hẹp, từng ngàn túp lều tranh, lá xiêu vẹo thấp lè tè. suốt ngày không mấy khi mở cửa... Những đứa bé đùa nhau chọc ghẹo đánh đập trong bùn dơ, nước đọng bên vệ đường... Những người tàn tật, nghèo đói lũ lượt đi từ nhà này sang nhà nọ xin nhờ sự bố thí một cách khó khăn...

Như thường lệ, sáng nay Đức Phật vào thành để giáo hoá. Ngài đi hết phố này đến xóm khác, tiếp xúc với bất kỳ ai, không phân biệt sang hèn nghèo giàu... Vì ngài là tượng trưng cho Công bình Huỳnh đế.

Ni Đề, một thanh niên thuộc giai cấp Chiên Đà La đang gánh một gánh phân chạy lon ton trên con đường cái quan trong xóm nhỏ vừa thấy Đức Phật chàng bồi rối sợ sệt, vội rẽ qua đường khác và tự than thân trách phận. Chàng nghĩ rằng mình đã sinh vào nơi thấp kém mà còn phải làm những việc dơ hèn dơ bẩn như thế này nữa, thật là quá vô phúc. Đã thế, trong xã hội, đồng là người cả thì sao lại đình nhau trong cuộc sống?

Tuy rằng qua đường khác đôi mắt chàng vẫn đắm đắm hướng về hình ảnh trang nghiêm sáng rực hào quang của Đức Phật.

Một sự có mặt trao duyên trong lòng chàng:

- “Ôi biết bao giờ ta được trực tiếp gặp đáng sáng suốt kia.”

Càng nhìn, lòng chàng càng cảm mộ. Tuy chưa gặp Đức Phật lần nào song đức hạnh hoàn toàn của Ngài chàng đã được nghe nhiều người kể lại.

Đức Phật đã hiểu ngay tâm niệm của Ni Đề qua cử chỉ rụt rè và đôi mắt đắm chiêu. Ngài bước nhanh về phía chàng.

Thấy Đức Phật đến Ni Đề hoảng hốt, vì nhận thấy mình bẩn thỉu dơ nhớp không đáng gần Ngài, phần sợ người bắt tội nên lần tránh vào ngõ hẻm khác.

Đức Phật ở xa nói lại với một giọng thanh êm ái:

- Con ơi! Như Lai đến với con đây. Sao con lại tránh?

Ni Đề để đôi thùng xuống, run rẩy thưa:

- Bạch Ngài! Con không dám, có điều chi dạy bảo, xin ngài ban cho, xin Ngài đừng đứng gần con...

Một lần nữa thầy Bà La Môn bèn dâng lên đức Phật một tấm, còn một tấm để treo làm trần nhà dạng thỉnh Đức Phật và chư tăng đến cúng dường.

Đức vua thấy vậy liền bố thí thêm cho thầy những món: “bốn ngàn đồng, bốn con tượng, bốn con ngựa, bốn người tớ trai, bốn người tớ gái và bốn làng để thu thuế.”

Sau khi ấy, các thầy Tỳ Khuru mới xúm nhau lại nói rằng: Thật quả sự bố thí của Thầy Bà La Môn lạ lùng quá, chỉ trong nháy mắt mà được kết quả đầy đủ, thật là gieo giống nhằm ruộng tốt.

Đức Thế Tôn nghe nói, dạy rằng:

- Nay các Thầy Tỳ Khuru, nếu thầy Bà La Môn ấy dâng cúng lúc canh một sẽ được mỗi vật mười sáu món, còn bố thí canh hai thì được mỗi vật tám món. Vì thầy Bà La Môn ấy chờ gần sáng nên mỗi vật chỉ được có bốn món thôi. Sự thật trong khi người muốn làm phước không nên để tâm lành sinh lên rồi diệt mất, khi nào đã nghĩ thì phải thực hành liền.

Vì việc phước thiện mà người làm bằng chậm trễ thì quả cũng trả một cách chậm tùy theo tâm lành mạnh yếu. Vậy hãy làm việc phước thiện bằng tâm nóng phát khởi.

Và ngài kết luận bằng một câu kệ.

“Người cần phải làm điều lành nên ngừa tâm không cho làm ác, vì khi làm việc lành chậm thì tâm sẽ vui như về điều ác”.

27.- CHÍN LỜI VÀNG NGỌC CỦA ĐỨC XÁ LỢI PHẬT

Có một Thầy Tỳ Khuru nhân uất tức Đức Xá Lợi Phật nên tìm chuyện phao vu cho đã giận.

Vào thời này đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá. Khi ấy nhằm lúc ra hạ Đức Xá Lợi Phật muốn vào an nghỉ tham thiền ở rừng. Ngài vào hầu đức Thế Tôn xin phép lên rừng. Có rất nhiều vị Tỳ Khuru đến đưa ngài đi. Trong khi ngài tiếp các vị Tỳ Khuru có một vị Tỳ Khuru nhỏ tuổi, ngài không biết mặt và tên rõ nên ngài không kêu và nhắc nhở sự tu hành. Hơn nữa vì quá nhiều vị nên cũng không tiếp chuyện cho được đầy đủ mỗi vị. Thầy Tỳ Khuru đó nghĩ rằng:

- Ông Xá Lợi Phật khi dễ ta quá không hỏi han gì đến ta cả.

Thầy cột oan trái và kiếm kế phao vu cho ngài Đại Đức phải xin lỗi Thầy.

- Nhà vua nào truyền chặt tay chân, cắt tai, cắt mũi và móc mắt ta, ta xin nhà vua ấy được sống lâu, hạnh phúc. Vì người như ta không bao giờ biết giận.

Hạnh của đáng cao cả, mặc dù đã qua lâu nhưng vẫn còn lưu lại hương lành.

Ta hãy nhớ gương của Ngài và hành theo đức nhẫn nại ấy. Người biết ta có tu hay không là biết trong khi gặp trường hợp phải sân hận, tham lam. Nếu ta nhịn chịu được mới gọi là người có tu, hay là tu đến bậc nào. Nếu muốn tu phép nhẫn nại thì luôn nhớ rằng:

Những trường hợp nào làm cho ta lung lạc, đó là những chuyện thử thách lòng ta, coi ta tu đến mức nào, ta phải dùng nhẫn nại để thắng những điều ấy. Nếu ta có đủ lòng nhẫn nại là có vũ khí thắng những kẻ hung ác.

29.- CÁCH TRUYỀN ĐẠO BẰNG PHÁP NHẪN NẠI

Thuở xưa có một người phú thương tên Phùng Na (Purna) ở xứ Xu Na Pha đi đến kinh đô Thất La Phiệt để buôn bán được vào hầu Đức Thế Tôn.

Nghe thuyết pháp xong ông rất tâm đắc thành muốn xuất gia, bèn gọi người quản lý đến bảo rằng:

- Người này đem hết gia sản của ta về giao lại cho em ta là Chư La Na.

Rồi ông xin xuất gia học tham thiền với Đức Thế Tôn. Khi ông ở tham thiền tại Thất La Phiệt không có kết quả tốt đẹp. Ngài nghĩ rằng chỗ này phong thổ không hợp với ta nên muốn đi về xứ Sunaparanta, mới vào hầu Đức Thế Tôn xin phép đi.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Thầy muốn đi nơi nào?
- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử xin đi xứ Xu Na Pa, Đức Thế Tôn biết Phùng Na là người có tính nhẫn nại vô lượng vô biên, nhưng muốn cho Ngài giải bày điều nhẫn nại cho các Thầy Tỳ Khưu khác nghe và cho Thiện tín thấy các đức nhẫn nại của Ngài.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Phùng Na, người xứ Xunapha rất hung ác, thô lỗ. Nếu người xứ ấy sẽ chửi người, dọa nạt người, thì người có phương pháp chi đối với họ?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu người xứ Xu Na Pha chửi mắng dọa nạt đệ tử, đệ tử nghĩ rằng: Những người xứ ấy tử tế quá, thật là tử tế. Vì họ không đánh con bằng tay. Bạch Đức Thế Tôn theo trường hợp này đệ tử nghĩ như vậy.

TRONG ĐỊA NGỤC CHĂNG?

Có vị Đại Đức tên Naga. Khi hành đạo tại hang Phi giang núi Xê Ri. Ngày ấy vào mùa hạ, trời nóng như thiêu như đốt, nhưng Ngài vẫn tự nhiên ngồi tham thiền giữa trời mỗ hôi đổ ra như tắm.

Các đệ tử thấy vậy nóng lòng đến bạch xin Ngài vào ngồi trong mát.

Ngài Đại Đức đáp:

- Vì ta sợ nóng lắm nên mới ngồi đây. Các con hãy xem “Nóng này có bằng nóng trong địa ngục chăng?” Nóng trong hỏa ngục còn bằng mấy triệu lần cái nóng của mặt trời!”

31. - ĐÓI KHÁT NÀY CÓ BẰNG ĐÓI KHÁT CỦA KIẾP NGẠ QUỲ CHĂNG?

Một vị Đại Đức khác khi đi khất hóa thiếu cơm ăn đã hơn ba ngày, đói khát thật không còn chỗ nói nữa. Dù thế Ngài không thôi chí nguyện, Ngài càng suy nghĩ đến những cái khổ khác. Ngài nghĩ rằng:

- Khi ta còn luân hồi trong cõi Sa Bà này đã biết bao lần sanh làm ngạ quỳ phải bị đói khát gấp trăm triệu lần như thế này. Còn những kiếp sanh làm A Tu La và vào địa ngục nữa, cái đói khát vì cơm vì nước trong hiện tại còn nghĩa lý gì.

Nhờ lòng nhẫn nại ấy mà các Đại Đức nói trên đã đắc quả A La Hán giải thoát khỏi luân hồi sinh tử tử sinh.

32. – PHÁP NHẪN NẠI TRONG TÂM TAY SINH SÁT

Khi xưa, thường có trận giặc giữa Chư Thiên và A Tu La Vương. Lúc họ Đức Đế Thích thắng được A Tu La Vương bắt đem về cột tại cột cờ. A Tu La Vương nổi giận, mắng chửi đức Đế Thích không tiếc lời:

- Ngươi là kẻ cướp, kẻ hung ác, là kẻ ngu si, ngươi là bò, là lừa, là lạc đà, là loài địa ngục, là súc sanh, là người không còn đường sanh về cõi trời nữa, chỉ sanh vào ác

Nhận thấy cảnh của mình không khác trường hợp những cô ả:

“Có chồng mà chẳng có con

Như bông hoa nở trên non một mình”

Nàng đã thao thức nhiều đêm, xót cho thân phận mình và cũng thương cho nhà chồng phải cảnh tuyệt tự.

Thế rồi không bao lâu nàng tự ý đi cưới cho chồng một tiểu thiếp.

Cảnh gia đình không phải vì thêm người hay vì mối tình duy nhất kia phải chia sẻ mà kém đầm ấm. Công việc ai nấy làm, trật tự trong gia đình vẫn giữ mực như xưa. Nhưng rồi bỗng một hôm, một bóng mây đen bao phủ trên gia đình hòa thuận ấy.

Người vợ lẽ mang thai: Cảnh nhà vô tự mà sắp có con là chuyện phước, sao có thể là họa?

Việc trước tiên là vợ lớn Xuân sanh buồn rầu chán nản. Nàng cảm thấy mình bị chồng và mẹ chồng bỏ rơi, vợ nhỏ khinh thường và nhất là một mai khi chết xuống cũng chẳng ai thấp cho nén hương hay viếng thăm phần mộ cô đơn.

Cảnh chồng nâng niu vợ nhỏ trước mặt nàng, những lời nói âu yếm lâu nay đã làm nàng vui sướng sao nay lại thành những lời mỉa mai, châm chọc. Mỗi ngày mỗi chồng chất nỗi phiền muộn thêm trong lòng nàng.

Mãi cho đến một hôm...

Nàng không thể giữ được lòng nữa. Tình thương đạo đức trong lòng nàng lâu nay đã biến đi và máu ghen ty ghen ghét bùng bùng nổi lên. Nàng như thấy trước mắt cảnh cô đơn lạnh lẽo một mai khi nàng tiểu thiếp sinh ra bấy con nối nghiệp thì nàng sẽ không được ai thương yêu nữa. Thế nên nàng tìm cách triệt hạ những ai đã làm cho nàng đau khổ. Mà những ai đó là ai nếu không phải là nàng tiểu thiếp.

Từ ấy trở đi nàng sắp đặt một âm mưu rất sâu hiểm nhằm làm hại cho được nàng hai.

Hằng ngày nàng giả bộ cư xử rất khéo léo: săn sóc người tiểu thiếp không khác mẹ nuôi con. Nàng làm đủ điều, từ nhỏ đến lớn, rất vừa lòng nàng tiểu thiếp. Mẹ chồng và chồng lại càng khen nàng hiếu thảo hơn trước.

Nàng hầu càng yêu chị nên chị em to nhỏ tâm sự nhau. Nàng không quên gởi gắm cho chị niềm vui sướng của mình khi một đứa bé ra đời.

Không ngờ câu nói chân thật ngây thơ này lại là luồng gió thổi ngọn lửa đang bùng cháy trong lòng chị cả.

Một hôm nhân dọn cơm cho em ăn, nàng cả lén trộn vào món ăn một gói thuốc trục thai mà nàng lặn lội đi mua ở một chốn xa.

- Xin cô chịu khó đợi tôi một chút, vì hôm nay tôi có thỉnh Đức Từ Phụ của tôi đến để trai tăng, và Ngài sẽ thuyết pháp.

Cô Khương Ta Ra sẵn lòng chờ đợi.

Vì tính hiếu kỳ cô cũng muốn ở lại để xem Đức Từ Phụ của anh chàng hàng hoa là ai, ra thế nào, và nghe ông ta sẽ thuyết những gì.

Sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp cô Khương Ta Ra đắc quả Tu Đà Hườn chừng ấy cô rất ăn năn tội lỗi của cô làm hằng ngày, là ăn lời một nửa số tiền mua hoa cho Hoàng Hậu. Bữa đó, cô mua hết cả tám đồng hoa đem về cung.

Hoàng hậu thấy hoa nhiều hơn mọi bữa, mới phán hỏi:

- Này Khương Ta Ra! Hôm nay có phải Hoàng thượng cho thêm tiền hay sao mà em mua được nhiều hoa như vậy?

Cô đáp:

- Tâu Hoàng Hậu, không có ạ.
- Vậy sao hoa được nhiều.
- Tâu Hoàng hậu, những bữa trước tôi ăn lời hết một nửa.
- Thế mà tại sao bữa nay em không ăn lời?
- Tâu hoàng hậu, vì hôm nay tôi được nghe Pháp của Đức Từ Phụ Gotama và hiểu được pháp.

(Theo ý cô Khương Ta Ra, nói nhiều pháp là được đắc quả tu đà hườn)

Hoàng hậu thấy thái độ của cô, thú nhận tội lỗi và rất trầm tĩnh dường như được no lòng với hương vị của Pháp bảo, nên không buồn phiền và rầy la cô chi hết, trở lại yêu cầu cô cho bà cùng được nếm hương vị cao quý ấy với.

Cô Khương Ta Ra tâu:

- Tâu Hoàng Hậu! Pháp bảo là món ăn cao quý của tinh thần. Cách thức của người muốn nghe Pháp là phải hết sức kính trọng người thuyết.

Hoàng hậu mới nhường lại cho cô tất cả nước hoa của bà sắp dùng để tắm gội. Tất cả các trang sức của bà để trang điểm cho cô, lại nhường tọa vị của bà cho cô ngồi thuyết pháp còn tự Hoàng Hậu ngồi xuống đất cùng với các thị nữ khác chăm chú nghe.

Sau khi thời pháp dứt Hoàng Hậu Samavati và năm mươi người thị nữ đắc quả Tu đà hườn. Về sau Đức Thế Tôn đề lời khen ngợi cô Khương Ta Ra là một tín nữ có tài thuyết pháp giỏi hơn các tín nữ khác trong Phật giáo.

- Đây cậu thanh niên! Có Điều vương đi tìm thực phẩm, bắt được long vương rồi đem đi. Long vương dùng đuôi siết chặt cây đa, Điều vương dùng sức bay, đem Long vương đi luôn cả cây đa.
- Bạch, Điều vương vô ý làm cây đa tróc gốc vì Long vương siết chặt, vậy ai có tội?
- Đây thanh niên! Điều vương vô ý làm cây đa tróc gốc nên vô tội.
- Bạch, Long vương có tội chăng.
- Đây thanh niên! Long vương cũng vô tội, vì sợ chết mà siết chặt cây đa.

Khi vị đạo sĩ đáp câu hỏi như thế, Điều vương rất hài lòng nên bạch rằng:

- Tôi đây là Điều vương cao quý hơn tất cả loài điều đến đây để hỏi ngài cho rõ chánh tà. Tôi rất hoan hỷ với ngài. Tôi có chú ngữ gọi là Alambayana, xin dâng Ngài, Ngài học để dành.

Đạo sĩ đáp:

- Đây thanh niên! Hãy trở về đi, ta không mong được chú ngữ đó đâu.

Điều vương khuyên giải yêu cầu vị đạo sĩ học rồi trở về chỗ ở.

Sau đó không lâu có người thợ săn nghèo khó, không nơi nương tựa, nên vào rừng tính tự tử.

Đến tịnh thất của vị đạo sĩ thì gặp cậu với ngài và xin hết lòng phụng sự đạo sĩ.

Vị đạo sĩ nghĩ rằng:

- Người thợ săn đây có nhiều công ơn với ta, vậy ta nên đem chú ngữ của Điều vương mà truyền lại cho người này. Xét như thế, rồi vị đạo sĩ bèn đem câu chuyện kể lại với dụng ý của mình.

Người thợ săn bạch:

- Tôi không cần chú ngữ. Vị đạo sĩ an ủi nhiều lần, rồi dạy chú ngữ ấy.

Khi học xong, người thợ săn ở thêm vài ngày, rồi từ giả đạo sĩ ra đi khỏi nơi ấy. Vừa đi vừa đọc thầm chú ngữ đó theo đường đến sông Yamana.

Khi đó có các long nữ đều là vợ của Bồ Tát Bhuridatta cầu ngọc mani cho thành tựu theo sở nguyện. Ra khỏi long cung để ngọc mani trên bãi cát gần mé sông Yamana, các long nữ đem nhau đồn nước trộn đêm, có hào quang của ngọc mani chói sáng.

Đến rạng đông, mặt trời vừa mọc, các nàng trang điểm y phục rồi ngồi chung quanh ngọc thần. Thình lình các nàng nghe tiếng người thợ săn đọc chú ngữ tưởng là Điều vương, hoảng hốt sợ chết, trốn về long cung, bỏ ngọc mani lại trên bãi cát.

Alambayana làm Bồ Tát yếu sức, mới bút giấy làm giỏ nhót Bồ Tát. Hắn dùng chân đạp Bồ Tát vào rồi quảy vào xóm, báo tin cho dân chúng biết đến xem rông mùa nhầy.

Khi có người tựu hội đông đủ, Alambayana mở giỏ kêu Bồ Tát ra dạy làm thân hình to lớn xong bảo làm nhỏ lại, làm cho cao, làm cho thấp, làm cho mình đỏ, trắng, vàng, xanh, làm cho mất nửa mình, phun ra tia nước, lửa, khói v.v... Alambayana dạy thế nào Bồ Tát cũng làm theo cả.

Dân chúng xem rồi, ai ai cũng thương hại Bồ Tát, không ngăn giọt lệ được.

Ngày ấy Alambayana thu góp tiền của dân chúng đếm được một ngàn lượng.

Trước kia hắn nói khi được một ngàn lượng thì hắn thả Bồ tát nay được một ngàn lượng hắn còn mong được nhiều nữa.

Alambayana đem Bồ Tát cho dân chúng xem từ làng này sang quận nọ, lần lượt đến kinh đô Bàrànasi. Alambayana đem cơm tấm mật cho Bồ Tát dùng nhưng Ngài không dùng. Alambayana vào chầu Đức vua Bàrànasi và xin phép đem Bồ Tát vào múa trong đền. Đức vua cho thông báo cho dân chúng hay, đề vào xem rông của Alambayana múa trong ngày Bát quan trai giới.

MỘT GIÁC MỘNG KỶ LẠ

Kể từ hôm Alambayana thả cuộc Bồ Tát, một ngày nọ, mẹ của Ngài là Hoàng Hậu Samuddaja, nằm mộng thấy người đen, mặt đỏ, cương tráng cầm dao lại chặt lấy tay mặt của bà đem đi. Bà máu chảy ròng ròng. Bà giật mình thức dậy bà rất lo sợ cái tai hại đến chồng con, nhất là nhớ tưởng đến Bồ Tát. Vì Bồ Tát lên nhân gian để thọ Bát quan trai giới, có lẽ con bà bị thầy rắn bắt rồi chăng? Càng nhớ đến Bồ Tát bao nhiêu, thì bà càng đau khổ bấy nhiêu.

Đến nửa tháng mà không thấy Bồ Tát về, mẹ Ngài thêm buồn thảm, khóc than không dứt bỏ an quên ngủ.

Lúc đó có ba người con của bà là: Sudasana, Kanaritttha và Subhoga đến thăm mẹ, thấy mẹ buồn rầu khổ não, khóc than nằm im trên long sàng, không có lời chi mừng rỡ như mọi khi, nên lấy làm lạ, liền quỳ tâu hỏi cho biết duyên cớ.

Bà liền cho biết về điềm mộng mà bà đã thấy và đã quá kỳ hạn rồi, nhưng không thấy Bhuriddata về thăm như mọi khi, bà nói với con:

- Nếu mẹ không gặp Bhuridatta thì khó sống được.

Nghe mẹ than van buồn lòng xót dạ, cả ba anh em mong tìm cho ra tin tức của Bồ Tát, bèn đồng quỳ tâu với mẹ:

- Xin mẹ giảm cơn sầu não để ba con ra đi dò hỏi tin tức của Bhuridatta.

- Tàu! Vì cháu đang thọ trì Bát quan trai giới và phát nguyện thí máu, thịt, xương, da. Thuật cho đức vua nghe đầy đủ, xong Đức Bồ Tát thuyết mười vương pháp đến Đức Vua bác và khuyên ngài gìn giữ mười pháp ý.

Sudasana tàu:

- Chúng tôi ở đây lâu không tiện, vì mẹ chúng tôi rất buồn rầu thương nhớ em Bhuridata.
- Trẫm đây hằng nhớ tưởng em trẫm là mẹ các cháu, làm thế nào cho trẫm được gặp em trẫm?
- Tàu, ông ngoại của các cháu hiện nay ngự trong nơi nào?
- Cháu ơi! Từ ngày mẹ cháu về Long cung thì ông ngoại các cháu rất thương nhớ, rồi từ bỏ ngôi vàng vào tu trong núi.
- Tàu, mẹ chúng cháu thường nhớ tưởng, mong được gặp bác và ông ngoại. Nay bác mong gặp mẹ cháu, xin bác đi tìm ông ngoại thỉnh về, rồi chúng cháu sẽ mời mẹ chúng cháu đến gặp bác và ông ngoại.

Sau khi quyết định ngày hội họp, Sudasana, Bhuridata và long nữ Accamui lạy từ giả vua bác trở về long cung.

Khi Đức Bồ Tát trở về đến Long cung, tất cả triều thần đều cất tiếng hoan hô chào mừng Bồ Tát. Cha mẹ Bồ Tát ra mừng. Bồ Tát làm lễ mừng cha mẹ xong rồi, Bồ Tát lui về cung điện của Ngài an nghỉ để dưỡng sức, vì đã chịu nhiều mệt mỏi trong những tháng vừa qua. Những thân tộc của Bồ Tát đến viếng lần lượt về tới người lui, nhiều không kể xiết.

Về đến Kanarittha lên thiên cung, tìm không gặp Đức Bồ Tát nên trở về nước. Những hoàng thân thấy Kanarittha có tình cực cần, có thể ngăn cản thân tộc, nên khuyên giữ tại ngọc môn cho Bồ Tát an nghỉ.

Còn Subhoga khi lãnh trách nhiệm đi tìm Bồ Tát khắp núi Tuyết Sơn mà không gặp, bèn xuống kiếm trong biển cho đến sông Yamana.

Người thợ săn là cha của Somadata khi thấy Alambayana bị hình phạt như thế nên nghĩ:

- Vì ta mong được ngọc mani nên chỉ đường cho Alambayana đến làm khổ đức Bhuridata, vậy ta phải rửa tội dùng cho tội dính theo mình.

Thế rồi đến sông Yamana anh ta xuống tắm khăn cầu cho hết tội lấy ân làm oán. Ấy là người bạc ơn quên nghĩa với Đức Bồ Tát Bhuridata.

Khi Subhoga đến nơi đó, vừa nghe lời khăn cầu của người thợ săn, nghĩ:

- Thợ săn này là một kẻ bạc ơn, anh ta đem hấn về Long Cung cho hưởng đầy đủ sự sang cả an vui, nay hấn lại chỉ đường cho Alambayana đến bắt làm khổ anh ta, ta để hấn sống thế nào được... Nghĩ thế rồi phát sân, bèn dùng đuôi vắn chân người thợ săn lôi ra vực sâu nhận cho hấn ngộp thở một chút rồi cho nổi lên, làm khổ hấn nhiều lần như vậy...

Ta ra lệnh cho các người đem Hoàng đệ ra giữa chợ mà chặt đầu đi cho thiên hạ biết.

Các quan đều ngơ ngác trước cơn thịnh nộ bất thường của Nhà vua, bỗng có một vị đại thần tâu:

- Cúi xin Đại Vương tha lỗi cho lời tâu của kẻ hạ thần này. Xin Đại Vương vì tình cốt nhục đối với ngự đệ hoãn cho sau bảy ngày rồi sẽ thi hành án tử hình cũng chẳng muộn.

Nhà vua giả vờ lặng lẽ, đợi cho một vài vị đại thần khác thấy ý hay, thêm lời can gián mới gật đầu ưng thuận.

Ngài lại còn ban ân bảo các đại thần đem long bào của Ngài mặc cho Thiện Dung và nói tiếp:

- Các ông đưa ngự đệ vào trong cung kín của Trẫm cho bọn kỹ nữ ca hát, đờn địch vui chơi cho chú nó thỏa mãn mấy hôm rồi sẽ hay.

Nhà vua lại dặn riêng vị đại thần kia:

- Người mặc áo giáp cho oai cầm chiếc gươm thiết bên cạnh đến chỗ Hoàng đệ bảo rằng: “Tâu Vương Tử mãn hạn bảy ngày bắt đầu tử này thì Vương Tử phải bị giết. Vì theo lệnh của Hoàng thượng đã phán quyết. Vậy nên Vương Tử nỗ lực mở tung năm căn mà hưởng năm món đặc ân cho thỏa chí tận hưởng đến cùng kéo uống. Nếu Vương tử chẳng tận hưởng để đến khi sắp chết e rằng có ăn năn có luyến tiếc cũng vô ích.”

Qua ngày đầu vui say vị đại thần đến báo cho Thiện Dung biết chỉ còn sáu ngày nữa là hết hạn. Cứ tuần tự như vậy mỗi ngày ông ta lại đến nhắc, cho đến hôm còn một ngày nữa là mãn hạn. Hôm ấy vị đại thần đến nói với Thiện Dung:

- “Thưa Vương Tử, đã hết sáu ngày rồi, sáng mai đây Ngài phải ra pháp trường mà chịu chết, vậy hạ thần khuyên Ngài phải cố hết sức mà hưởng mọi khoái lạc kéo rồi xuống suối vàng lại tiếc.”

Thấm thoát bảy ngày đã qua, sáng ngày cuối cùng vua A Dục đích thân vào chỗ Thiện Dung bị giữ, giả bộ thân nhiên hỏi:

- Sao? Mấy hôm nay tâm ý của Ngự Đệ được tự do hưởng khoái lạc có sung sướng không?

Thiện Dung đáp:

- Tâu Vương huynh, thật Hoàng đệ chẳng thấy chẳng nghe gì cả thì có đâu mà sung sướng?
- Sao thế? Minh Ngự đệ mặc long bào vào ở trong cung điện của Vương huynh và cùng với bọn kỹ nữ của Vương huynh mà hưởng vui, lại cùng các món ngự thiện hảo

Nghe giọng nói quả quyết, và trông gương mặt hiền từ thành thật của Tôn Giả, bà lão hết sức ngạc nhiên, nhìn Tôn Giả trân trân giây lâu mới thốt ra lời:

- Nếu Ngài có phương chi bán được cái nghèo, mong Ngài thương xót chỉ cho, tôi xin ngậm vành kết cỏ cảm đội ơn đức Ngài suốt đời, không lúc nào dám quên.
- Được, tôi xin hứa chắc với bà và nếu bà nhiệt tình muốn bán, thì tôi bảo như thế nào bà phải làm đúng như vậy, mới có kết quả tốt đẹp được.
- Bạch Ngài già đã cực khổ vất vả lắm rồi đã nhàm với roi vọt mắng chửi, đã lờn với gió sương mòng muỗi, bây giờ Ngài dạy thế nào già cũng xin vâng chịu tất cả, dù cực khổ thế mấy già cũng coi như thường miễn Ngài chỉ cho cách thức để bán cho được cái nghèo thì thôi.
- Bây giờ bà hãy xuống sông tắm cho sạch sẽ, Thân thể bẩn thỉu quá sẽ có thể sinh ra nhiều bệnh tật, vả lại ai cũng chán chảng dám đến gần.

VÌ TRÓT MANG MẤY KIẾP THAM LAM KEO RÍT

Bà già vâng lời Tôn Giả xuống tắm rửa sạch sẽ xong xuôi rồi, bà liền đem bạch rằng:

- Bây giờ Ngài dạy cho tôi cách nào để bán?
- Bây giờ bà phải bỏ thí. Vì Phật đã dạy: Bỏ thí là để cho người vượt khỏi lòng tham lam mà cái tham lam là môn bán cùng cực khổ sở. Tôi đã dùng huệ nhãn quan sát thấy bà nhiều kiếp về trước tính tình tham lam keo rít, nên kiếp này bà phải chịu quả báo cực kỳ nghèo cùng. Vì vậy muốn hết nghèo cùng bà phải dứt lòng tham lam, còn phải thực hành phương pháp bỏ thí. Nhân nào thì quả nấy, chắc chắn không sai.
- Trời đất ơi! Ngài bảo tôi bỏ thí để dứt lòng tham, nhưng tôi có tham hồi nào đâu? Tại tôi nghèo cùng đến nỗi giờ xương lòi da như thế này tôi đào đâu ra của để mà bỏ thí thừa Ngài. Ngài bảo cách nào dù thiên lao vạn khổ, già này cũng có thể cố gắng làm được, chứ còn điều này thì xin chịu. Tôi không biết làm cách nào để vừa lòng Ngài.

Nhưng đây, hiện giờ này trên tay tôi chỉ có cái bình của chủ, tôi mang đi để múc nước về, nếu có thể bỏ thí ngay, bắt quá thì về nhà chủ đánh chút thôi, không đến nỗi gì, quen rồi chả sợ. Miễn già đây làm y theo lời của Ngài là vui lắm rồi.

- Ấy chết! Của chủ, bà đem cho đi, về nhà mất bình, chủ đánh chửi chịu sao nổi?
- Không sao thưa ngài! Già đã chịu đựng quen rồi, không đến nỗi gì mà già cũng nghĩ đến liều mạng bắt quá chết là cùng...
- Cũng được, miễn có lòng thành kính là được, không luận ít nhiều. Bà hãy mang bình tìm chỗ nước cho thật trong thật sạch múc đầy bình đem về đây cho tôi.

Tôn Giả Ca Chiên Diên tiếp nhận bình nước sạch do tay bà lão múc về dâng. Ngài chú nguyện cho bà lão.

Đoạn Ngài hỏi:

- Bà có chỗ nào để ở cho thật sạch không?

Thế là cá sấu con nghĩ ngợi.

Cuối cùng nó nghĩ ra được một kế và tự nói:

-À, cách này diệu lắm! Ta sẽ có thể bắt một con khi trên cây kia. Nó là loại thèm ăn và luôn muốn đi qua sông đến hòn đảo bên kia để ăn những quả cây chín mùi bên ấy.

Nghĩ thế, cá sấu ta bơi tới sát cây con khi đang ở. Hẳn gọi con khi, nói:

-Chú khi ơi! Hãy đi cùng tôi qua bên hòn đảo kia! Bên ấy nhiều trái cây chín mùi ngon lắm, ăn một bữa cho sượng.

Khi đáp:

-Nhưng làm sao tôi đi được, anh sấu? Tôi không biết bơi lội kia mà?

Cá sấu nói:

-Ồ có khó gì! Tôi bơi chở anh ngồi trên lưng tôi, thế là hai chúng ta cùng đi qua bên hòn đảo kia.

Con khi hám ăn và không nghi ngờ gì cả, bèn nhảy xuống ngồi trên lưng con cá sấu. Cá sấu cả mừng vì thấy mình đắc kế liền bơi ra giữa sông. Con khi ngồi trên lưng con cá sấu sung sướng nói:

-Ồ, anh sấu! Anh tốt bụng quá, anh cho tôi đi như vậy, thật thú vị quá.

-Thật vậy chăng? Anh có thích như vậy không?

Dứt lời cá sấu lặn xuống. Khi la hoảng, bốn chân bám chặt vào lưng cá sấu:

-Ồ anh sấu sao lại vậy? Chết tôi còn gì? Đừng đừng giỡn chứ anh sấu.

Khi cá sấu nổi lên lại, con khi sặc cả nước và ngạt thở muốn chết, khi nói:

-Anh sấu sao lại dìm tôi xuống nước như vậy, anh sấu?

Cá sấu trả lời:

-Tôi muốn giết anh đó, vì mẹ tôi muốn ăn trái tim khi, và tôi sẽ mang trái tim anh về cho mẹ tôi.

Con khi giả bộ tự nhiên liền nói:

-Ồ, sao anh lại không nói cho tôi biết trước. Nếu biết thế thì tôi đã đem trái tim theo với tôi rồi. Giờ này ở giữa sông tìm gan đâu mà có. Tôi để hết trên cây rồi.

Cá sấu ngu ngốc kia nói:

-Sao kỳ lạ vậy? Anh nói anh để trái tim anh lại trên cây kia phải không?

Khi đáp:

-Phải, anh sấu! Nếu anh muốn lấy trái tim tôi thì anh phải bơi về lại mới lấy được. Nhưng khoan đã! Chúng ta đến hòn đảo kia ăn trái cho no say cái đã rồi sẽ bơi về, không chậm đâu mà sợ.

Con cá sấu nghĩ thầm

-“Con khi tưởng hăn khôn hơn mình hăn? Chắc hăn đánh lừa ta, hăn bảo đưa hăn đi ăn một bữa cho no rồi mới về nhà lấy tim. Ta đợi gì cho nó ăn no...Ta phải lấy cho được quả tim sớm chừng nào hay chừng ấy cho mẹ ta.”

Nghĩ thế sấu con bơi quay trở lại đến gốc cây, nơi con khi ở lúc nãy.

Khi cá sấu vừa bơi đến gần bờ, khi ta nhảy phốc lên bờ rồi leo lên cây rất nhanh. Ngồi yên trên cao, khi nhìn xuống miệng cười oác oác nói với cá sấu:

- Này anh bạn sấu! Trái tim của tôi ở trên cây này đây, anh có muốn lấy về cho mẹ anh thì chịu khó trèo lên cây mà lấy. Sẵn đây rồi! Lên mà lấy đi anh...anh sấu ơi!...

Cá sấu con ở dưới nước tức giận biết mình bị lừa. Hăn nhìn lên nhìn xuống, tìm đủ mọi cách đánh lừa khi lần nữa hăn không sao tìm được mưu chước nào khác nữa. Vừa sợ bị mẹ khiển trách, lại khi con cười chế nhạo lại thôi bơi về.

55.- QUẢ BÁO NHÃN TIỀN

Thuở xưa trên giang san của xứ Thần Châu, Đức Hoàng Đế trị vì nước ấy tên Vạn An. Ngài có bảy người con trai đã trưởng thành và bảy hoàng tử ấy đều được nhậm chức rất trọng yếu của triều đình để trấn giữ trong bảy nước chư hầu.

Đức vua Vạn An đã lớn tuổi nên ngài muốn nhường ngôi thiên tử lại cho con. Nhưng vì điều kiện quan trọng cho vận mạng xứ Thần Châu sau này, nên hoàng đế đã bao ngày bàn luận với quần thần để ngăn ngừa hậu quả của chiến tranh giành giật ngôi vua, song rốt cuộc cũng chẳng tìm được một biện pháp nào thích ứng cả.

Chiều nay cảnh vườn thượng uyển lại chìm dần trong bóng tối, mọi vật im lìm đáng sợ. Không một bóng vũ nữ, chẳng có một điệu đàn, những lồng đèn của cung điện và vườn thượng uyển đã được tắt sáng. Trong lúc ấy, nếu có ai nhìn kỹ thì kia: trên con đường ít sáng, Hoàng Đế Vạn An tay chấp ra sau, tới lui và thỉnh thoảng lại gật đầu như bằng lòng một sự gì lắm...Bóng Hoàng Đế lại đi dần về cung điện, rồi mất hút trong rèm hoa. Một lúc sau ta lại thấy bảy bóng ngự lâm quân chạy vụt ra ngoài và nhảy vọt lên lưng bảy con hồng

Đức vua Bārāṇasī nghe đến đây lấy làm ghê sợ, và hổ thẹn tội lỗi, bèn ngỏ lời xin lỗi một trăm lẻ một nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu và tha họ trở về ngôi vị cũ.

Đức Thế Tôn nói:

- Đức vua Bārāṇasī là Đức vua Ba Tư Nặc hiện giờ đây. Nàng Đản Ma Dinh khi ấy là bà Malika hiện giờ đây. Còn vị Thọ thần khi ấy là Đức Như Lai vậy. Nay các vị Tỳ Khuru, Như lai đã nói:

- Chẳng phải trong kiếp hiện tại mà bà Malika đã dùng trí tuệ cứu sống bao nhiêu sanh linh. Bà đã dùng trí tuệ cứu sống một trăm lẻ một nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu trong kiếp trước nữa.

57.- CÓ BÓNG BÊN VỊ TỖ KHƯU

Kể từ khi vị Tỳ Khuru Kondahana xuất gia, mỗi lần Thầy đi đâu một bước cũng thấy sau lưng Thầy một bóng người phụ nữ đi theo.

Ai ai cũng thấy nhưng chỉ riêng Thầy chưa từng biết gì về hiện tượng kì lạ này.

Những thí chủ dâng cúng Ngài mỗi lần hương hoa chia làm hai phần và nói rằng:

- Phần cơm này về phần Ngài và phần thứ nhì về phần cô bạn của Ngài.

Thầy Kondahana vẫn nhận của thí và lặng lẽ đi không chú ý lời nói kia vì Thầy tưởng chỉ là câu đùa bỡn của người đời như đã bao lần Thầy từng nghe.

Các vị Tỳ Khuru khác thấy như vậy đành nghĩ rằng Thầy phạm sắc giới Bất cộng trụ mới đi nói với trưởng giả Cấp Đô Đốc và yêu cầu ông đuổi Thầy Tỳ Khuru Kondahana khỏi chốn thiền môn.

Ông trưởng giả vốn khâm phục Thầy từ lâu nên không tiện mở lời. Các Thầy Tỳ Khuru lại đem câu chuyện kể cho bà tín nữ Viasakha biết, bà này cũng không dám vì cũng như ông trưởng giả, bà rất có lòng kính nể vị Tỳ Khuru đó.

Các vị Tỳ Khuru kia càng tức giận mới xin vào chầu vua Ba Tư Nặc và thuật hết tự sự. Nhà vua rất ngạc nhiên nhưng cũng nhận lời. Chiều hôm ấy Ngài vào thăm chùa, Ngài cho quan quân bao chánh điện. Còn Ngài lên thẳng chánh điện. Thầy Kondahana nghe ồn ào, tiếng khí giới lác cắc, mới chạy ra xem thử có việc gì. Liền đó, nhà vua thấy sau lưng Thầy quả có bóng một phụ nữ theo sau. Khi thấy nhà vua ngự đến. Thầy Kondahana mới yên tâm bước vào trong.

trên đời như phù du, mỗi chúng sanh đều nặng mang trong mình một nghiệp chương, không bao giờ cởi mở được thì sắc đẹp còn nghĩa lý gì?

Bồng chàng cảm thấy lòng lạnh lùng chán nản mọi quyền rũ vật chất, giàu sang phú quý vợ đẹp con khôn với chàng không còn chút gì đáng yêu, đáng thích nữa. Chàng nảy ra ý xuất gia theo gương của anh, quyết tâm rời bỏ gia đình vào nương cửa Phật.

Nhưng đám cưới đang diễn ra linh đình, hai họ đang vui say, cô dâu đang chờ giờ lành để về nhà chồng làm lễ, và chỉ mấy giờ sau là giờ hợp cẩn... Biết tính sao đây cho vẹn cả đôi bên? Vừa được lòng hai họ, nghĩa là đừng gây cảnh đổ vỡ trong buổi lễ long trọng này, vừa đừng để cho cô dâu tủi hổ, thiên hạ cười chê?

Thình lình óc chàng sáng lên, chàng nghĩ ra một kế, và nhất định thi hành. Khi rước dâu, chàng vẫn đi theo hai họ, nhưng dọc đường chàng làm bộ đau bụng cứ đòi đi sông mãi. Nhiều lần như vậy, mẹ chàng tưởng con bị đau bụng thật nên không để ý, để cho chàng tự do và cho xe rước dâu về trước để chàng đi sau. Dịp may đã đến, chàng bèn đi thẳng vào chùa ở gần, xin chư tăng cho phép xuất gia.

Chư tăng hỏi:

- Chàng có được sự ưng thuận của cha mẹ chưa?
- Bạch Chư Đại Đức chưa?

Chư Tăng không dám cho xuất gia vì theo luật Phật Thế Tôn cấm không cho người xuất gia trong khi cha mẹ chưa cho phép.

Khi hết sức yêu cầu Chư Tăng mà quý ngài không bằng lòng cho xuất gia, chàng mới la lên rằng:

- Bớ người ta! ăn cướp nó cướp của tôi đây này.

Chư Tăng mới lấy làm lạ hỏi rằng:

- Gã kia! Người đã điên rồi chẳng? Tại sao ở giữa tăng chúng mà người lại la lên như thế? Ai cướp của người?

Chàng đáp:

- “Bạch Chư Tăng! Trong vòng sinh tử luân hồi, đệ tử đã bị Ma Vương cướp lấy duyên lành của đệ tử rất nhiều lần rồi và hơn nữa tử thần cũng đã lấy sinh mạng của đệ tử rất nhiều lần, tử thần rồi sẽ đến cướp mất sinh mạng này đi, thì làm sao gặp được chân lý giải thoát của Chư Phật.”

Chư tăng nghe nói có lý mới hỏi:

- Ngươi là con của ai?
- Bạch Chư Tăng! Đệ tử là em của Ngài Xá Lợi Phất.

Đức vua bèn hỏi Bồ Tát:

- Có thể tìm được chăng?
- Tâu muốn lấy ngọc Mani không khó, xin thỉnh phụ vương đến đó cùng tôi.

Đức Bồ Tát đến mé ao đứng quan sát thấy ngọc Mani trên đọt cây thốt nốt, tâu vua:

- Ngọc Mani không có trong ao nước.
- Có sao có ánh sáng trong nước mà con nói không có ngọc trong đó?

Đức Bồ Tát bèn dạy người đem một mâm nước đầy để tại nơi đó, rồi thỉnh Đức vua đến xem, Ngài thấy ngọc Mani như thấy trong ao, rồi Đức vua hỏi:

- Tại sao nói không có ngọc Mani trong ao?
- Tâu, ngọc Mani có tại trong một ổ quạ trên cây thốt nốt.

Rồi Đức Bồ Tát bảo người leo lên cây thốt nốt gần phía đông ao nước lấy ngọc Mani trong ổ quạ đem xuống dâng cho Đức vua.

Công chúng đồng hoan hô khen ngợi Đức Bồ Tát và trách bốn vị giáo sư kia bảo người tát ao rất nhọc nhằn, mất công vô ích, thật không có bậc trí tuệ nào sánh bằng Bồ Tát đâu.

Đức vua rất thỏa mãn, ban thưởng ngọc báu, đang đeo trong mình cho Bồ Tát, còn ngọc Mani vừa tìm được thì Đức vua tặng cho một ngàn thiết nữ tùy tùng của Bồ Tát.

Đức vua dạy Bồ Tát mỗi khi vào triều phải trang điểm bằng ngọc báu này, và phong Bồ Tát làm Đại tướng.

VÌ CỎ ĐEO TIỀN MÀ CÁC KÈ SINH TỰ ĐẮC

Một hôm, Đức vua cùng triều thần đi ngắm cảnh, Đức vua chợt thấy một con cắc kè to từ ngọn cây bò xuống, thấy Đức vua nó liền gật đầu.

Đức vua hỏi Bồ Tát:

- Con cắc kè làm gì đó?
- Tâu nó làm lễ Hoàng Thượng.

Đức vua rất hoan hỷ, bèn dạy mỗi ngày xuất tiền mua thịt cho nó ăn.

Đến ngày Bát quan trai mua không được thịt, người nuôi nó lấy tiền đáng giá mua thịt cho nó ăn buộc vào cổ nó.

Từ đó con tắc kè tự đắc vì có tiền.

Ngày sau Đức vua ngự đến, thấy con tắc kè bò xuống nó ngóc đầu lên coi bộ tự đắc. Đức vua hỏi Bồ Tát:

- Tàu, lệ thường, kẻ có tội với người hữu phước xa nhau lắm, cũng như trời với đất, hoặc như bờ biển đây với bờ biển kia. Kẻ có tội hoặc ít phước không bao giờ ở chung cùng người đại phước được, lời của lệnh Hoàng hậu rất đúng.

Đức vua nghe hữu lý nên nói:

- Nhờ con trẫm là Mahosatha mà trẫm được Hậu, bằng ta nghe lời bốn vị giáo sư kia thì đã giết Hậu rồi. Nghĩ thế nên phát tâm hoan hỷ và ban thưởng cho Đức Bồ Tát rất nhiều báu vật.

Bà Hoàng Hậu nghĩ:

- Nhờ có Mahosatha nên mệnh ta mới còn, thật là bậc ân nhân của ta.

Lập tức Hoàng hậu quỳ tâu Đức vua cho phép từ đây bà xin Mahosatha làm em ruột. Bao giờ bà có vật chi quý báu hoặc cao lương mỹ vị, bà được phép biếu cho Mahosatha là em bất kỳ là giờ phút nào. Đức vua hoan hỷ phê chuẩn, và từ đây Hoàng hậu thường ban cấp cho Bồ Tát những vật quý giá và không bao giờ dám quên ơn cứu tử.

CHÓ ẺN CỎ - ĐÊ ẺN THỊT

Có một ngày Bát quan trai, Đức vua lên tâu vua đi kinh hành, thấy có một con chó và một con dê. Dê đi ăn cỏ dành chỗ cho voi, bị nai voi đánh đập, dê bỏ chạy trốn, bị nai voi liệng đá nhằm lưng quá đau, dê lết đến nằm dựa vách tường thành.

Chó cũng vào ăn thịt cá trong nhà bếp, bị đánh đập què giò. Chó chạy trốn đến vách tường nằm, gặp dê cũng nằm dựa vách.

Dê hỏi chó:

- Vì sao anh bị như thế?

Chó thuật lại cho dê nghe rồi hỏi:

- Còn anh do nhân nào mà nằm tại đây?

Dê cũng tỏ cho chó nghe tự sự. Rồi dê và chó cùng bàn nhau làm thế nào nuôi sống cho dễ dàng, bằng không sẽ bị chết đói.

Dê bày mưu:

- Bây giờ tôi phải vào nhà bếp trộm thịt cá về cho anh, còn anh thì đi ăn cắp cỏ về cho tôi, hai ta sẽ đổi thực phẩm cho nhau mà ăn thì lưỡng tiện lắm.

Tính xong dê và chó đồng ưng thuận làm theo kế đó nên được an vui. Vì mấy người nấu ăn dẫu sợ dê ăn thịt, cá mà gìn giữ, nên dê dễ trộm được thịt cá. Về phần nai voi thấy chó

- Xin chờ ba ngày rồi sẽ tâu với Đức vua.

Đoạn Bồ Tát xin để tự mình đi tìm thanh nữ xứng đáng theo ý nguyện. Ngài ra cửa Bắc Môn rồi đi lần đến quận Uttaramaha.

Trong thuở đó, có một nhà trước kia là triệu phú, nay đã sa sút. Trong gia đình này có một thiếu nữ tên là Amara có đủ đức hạnh và hình dung xinh đẹp. Một hôm, sáng sớm cô thiếu nữ đem cháo dâng cho cha đang cấy ruộng. Bồ Tát đi đến thấy dung nhan của thiếu nữ xinh đẹp và tướng mạo đoan trang nên liền nghĩ thầm:

- Nếu nàng này chưa chồng thì đáng cho ta đem về làm nội trợ lắm.

Phân nàng thiếu nữ khi thấy Bồ Tát cũng thầm nghĩ:

- Nếu ta được người như vậy để nương bóng từng quân thì đời ta sẽ được nhiều hạnh phúc, có nơi nương tựa vững vàng.

Thật là duyên nợ đưa đẩy cho hai người gặp nhau.

Bồ Tát nghĩ thầm không rõ ràng có nơi nào chưa?

Vậy ta nên thử thách nàng bằng cách ra cử chỉ đố cô.

Ngài thừa cơ hội nàng liếc nhìn, Ngài ra dấu “nhắm tay lại” đợi xem nàng có hiểu nổi ý mình không?

Nàng Amara thấy, biết Bồ Tát muốn hỏi mình có chồng chưa, nàng bèn xoa tay để đáp cử chỉ của Bồ Tát.

Bồ Tát hiểu rằng nàng chưa chồng. Bồ Tát bèn bước lại gần và hỏi:

- Xin lỗi nàng, quý danh nàng là chi?
- Thừa cái chi không có trong quá khứ vị lai hiện tại, cái ấy là tên của tôi.
- Này cô! Tình trạng bất diệt là cái không có trong quá khứ vị lai hiện tại, như vậy quý danh của cô là Amara phải không?
- Vâng tôi tên là Amara.
- Bây giờ đây cô đem cháo cho ai?
- Thừa đem cho bậc tiền thiện Pubbadeva.
- Này cô tiền thiện tức là cha mẹ. Vậy có phải cô đem dâng cháo cho thân phụ của cô không?
- Thừa phải.
- Thân phụ của cô làm nghề gì?
- Cha tôi làm ở nơi một thành hai.
- Ở nơi “một thành hai” đó ám chỉ là nghề cấy ruộng. Có phải thân phụ của cô là nông phu chăng? Và cấy ruộng nơi nào?
- Vâng thân phụ của tôi cấy ruộng nơi có “đi không trở lại”
- Nơi “đi không trở lại” đó là tha ma, mộ địa, có phải vậy chăng?